TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 460/2022/HC-PT
Ngày: 22 - 6 - 2022
V/v khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 486/2021/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc khởi kiện "Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2021/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 879/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Kim Mạnh T, sinh năm 1963 (có mặt) và bà Lê Thị T1, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 229 L, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1: Bà Vũ Thị Phương T2, sinh năm 1982 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T1: Bà Nguyễn Thị U, sinh

năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 50 P, phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố V;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Dương B (có mặt) và Bà Nguyễn Thị H (vắng mặt) - Đều là Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V.

Cùng địa chỉ: Số 89 đường L1, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 27/10 L, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn H1 (Phạm Khắc H2), sinh năm 1964; Địa chỉ: 168 đường 3/2, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Anh H3, sinh năm 1959; Địa chỉ: 41 K, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện là ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/5/2016, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố V ban hành Thông báo thu hồi đất số 257/TB-UBND để thực hiện Dự án Khu tái định cư 10ha trong 58ha tại Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5164/QĐ-UBND thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1 (sau đây viết tắt là Quyết định số 5164).

Không đồng ý Quyết định số 5164 ông T, bà T1 đã khiếu nại và ngày 07/6/2019, UBND thành phố V có Thông báo vố 2846/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại của ông T. Cùng ngày 07/6/2019 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2607/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Đến ngày 20/8/2019 Chủ tịch UBND thành phố V mới ban hành Quyết định số 4098/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 2607/QĐ-UBND và

Thông báo vố 2846/TB-UBND. Vì vậy ông T, bà T1 đã khởi kiện Quyết định số 5164 tại Tòa án.

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

- Thời hiệu khởi kiện, người khởi kiện cho rằng đã có đơn khiếu nại Quyết định số 5164 và có Giấy biên nhận số 72 ngày 14-3-2019 của UBND thành phố V. Ngày 07/6/2019, UBND thành phố V có Thông báo vố 2846/TB-UBND thụ lý khiếu nại; Ngày 20/8/2019 có Thông báo số 4098/QĐ-UBND nội dung không đủ điều kiện thụ lý giải quyết khiếu nại. Vì vậy thời gian chờ giải quyết khiếu nại là thời gian trở ngại khách quan, không tính vào thời hiệu khởi kiện. Do đó thời hiệu khởi kiện của Quyết định số 5164 vẫn còn.

Về nội dung khởi kiện: Ngày 20/02/2019 ông T, bà T1 nhận được Quyết định số 5164. Nhà nước bồi thường phần đất thu hồi của ông T, bà T1 như sau: Diện tích thu hồi: 268,70m^2, diện tích bồi thường: 210,00m^2.

- Loại đất bồi thường: đất nông nghiệp. Vị trí đất bồi thường: vị trí 1, đường loại 4, đường L, Phường 10, thành phố V

- Bồi thường về hoa màu. Hỗ trợ tiền nhà, công trình, vật kiến trúc.

ông T, bà T1 không đồng ý Quyết định số 5164, lý do:

- Thứ nhất, về loại đất bồi thường*:* Quyết định số 5164 chỉ bồi thường đất thu hồi của gia đình ông T, bà T1 theo là loại đất nông nghiệp dựa trên căn cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là GCNQSD) đất cấp cho ông Kim Văn D và bà Đặng Thị T4 mà không căn cứ vào nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất của gia đình ông T.

Cụ thể: ông T sinh sống cùng gia đình ông D và bà T4 từ năm 1989 (ông D là anh trai ông T) có xác nhận của cơ quan đăng ký tạm trú. Năm 1992, ông D cho ông T mảnh đất để ở và canh tác. Cùng năm đó gia đình ông T đã làm nhà và sinh sống làm ăn từ đó đến nay (có xác nhận khu phố, tổ dân cư và Công an Phường 10). Tại thời điểm nhận đất, do ông D chưa được cấp GCNQSD đất, nên chỉ viết giấy tay với nhau. Đến năm 2002, ông D, bà T4 mới làm thủ tục và được cấp GCNQSD đất. Trên cơ sở đó, ông T, bà T1 làm hợp đồng chuyển nhượng có xác nhận của UBND phường, thực chất là để làm thủ tục tách thửa. Hàng năm ông T đều đóng thuế đầy đủ cho nhà nước (loại đất ở đô thị). Trong quá trình sinh sống, gia đình ông T, bà T1 luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và địa phương. Như vậy trên thực tế, gia đình ông sử dụng đất ổn định cùng một mục đích là làm nhà và sinh sống từ năm 1992 đến nay. Việc UBND

thành phố V chỉ đền bù cho gia đình ông T, bà T1 theo giá đất nông nghiệp là không có cơ sở.

- Thứ 2, về diện tích đất thu hồi, Quyết định 5164 ghi rõ diện tích đất thu hồi là 268,70m^2 nhưng diện tích đất bồi thường chỉ có 210m^2, với lý do 58,7m^2 còn lại là đất lối đi chung. Tuy nhiên đây là diện tích nằm trong cùng thửa đất của gia đình ông T, bà T1; do anh chị ông T, bà T1 là ông D tặng cho gia đình ông T, bà T1 để làm đường đi (có giấy tặng cho đất kèm theo). Việc UBND thành phố không bồi thường diện tích này là làm thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích của gia đình ông T, bà T1.

- Thứ 3, về vị trí đất, loại đất bị thu hồi. Khi xác định loại đất để bồi thường thì UBND thành phố V xác định theo GCNQSD đất cấp cho ông D và bà T4, nhưng khi xác định vị trí đất thì lại tách diện tích đất của gia đình ông T, bà T1 ra khỏi toàn bộ thửa đất để tính bồi thường theo giá đất thuộc vị trí 1, đường loại 4, đường L, Phường 10, thành phố V.

Trong khi diện tích khác cũng trong mảnh đất đó lại được tính là vị trí 1, đường loại 3, đường 3/2, Phường 10, thành phố V. Sự vô lý này dẫn đến chênh lệch lớn về số tiền bồi thường vì giá đất bồi thường ở các vị trí khác nhau chênh lệch rất lớn. Do đó đất của gia đình ông T, bà T1 phải được tính là vị trí 1, đường loại 3, đường 3/2, Phường 10, thành phố V.

- Thứ 4 theo Quyết định 5164 thì gia đình ông T, bà T1 bị thu hồi toàn bộ diện tích đất sử dụng, gia đình ông T, bà T1 cũng không còn nơi ở nào khác trong địa bàn thành phố V. Tuy nhiên UBND thành phố V không cấp tái định cư, cũng không cho ông 01 lô đất ở mới, không hỗ trợ tiền thuê nhà cũng như các chính sách hỗ trợ theo quy định của Luật Đất đai.

- Thứ 5, Về giá đất bồi thường quy định tại Luật Đất đai như sau:

"Điều 74. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.".

Tuy nhiên dù thời điểm ra quyết định thu hồi đất của gia đình ông T, bà T1 là cuối năm 2018 nhưng giá đất mà UBND thành phố V áp dụng lại là giá đất được ban hành từ năm 2016. Việc áp dụng sai thời điểm xác định giá đất ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình ông T, bà T1

Vì những lý do trên bà T1, ông T khởi kiện, yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5164 của UBND thành phố V;

- Buộc UBND thành phố V bồi thường diện tích đất bị thu hồi theo đúng thực tế sử dụng và đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Loại đất bồi thường: đất ở; Diện tích đất bồi thường: 268,70m^2 ; Vị trí đất bồi thường: Vị trí 1, đường loại 3, đường 3/2, Phường 10, Tp.Vũng Tàu.

+ Giá đất bồi thường: Tại thời điểm chi trả tiền bồi thường; Cấp tái định cư và giao đất ở mới. Hỗ trợ các khoản theo quy định của pháp luật về bồi thường.

+ Đề nghị Nhà nước thu hồi đất như thế nào thì bồi thường cho gia đình ông T, bà T1 như thế, thu hồi đất có nhà ở thì phải bồi thường tái định cư. Không phải là giao đất ở.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V - người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:

- Ngày 30/5/2016, UBND thành phố V ban hành Thông báo thu hồi đất số 257/TB-UBND để thực hiện dự án Khu tái định cư 10ha trong 58ha tại Phường 10, thành phố V. Ngày 28/4/2020, UBND thành phố V có văn bản số 2624/UBMND-PTQĐ, nội dung: Diện tích đất bồi thường 268,70m^2; Loại đất bồi thường: Đất nông nghiệp.

Nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số T 993712 ngày 07/02/2002 cho hộ ông D, bà T4 diện tích 1.857,0m^2 đất nông nghiệp; ông D, bà T4 sử dụng đến ngày 05-4-2020 chuyển nhượng cho ông T, bà T1 diện tích 210,0m^2 thuộc thửa 28, 29 tờ bản đồ số 21 được UBND Phường 10 xác nhận.

Hiện hộ ông T sử dụng 268,7m^2 đất, trong đó có 58,7m^2 đất thể hiện lối đi chung. Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Điều 11 Căn cứ để xác định loại đất: Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây: 1. GCNQSD đất, CNQSH nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10-12-2009; GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

Như vậy, trường hợp hộ ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng đất của ông D, bà T4 vào ngày 05/4/2002; ông D, bà T4 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất diện tích 13857,0m^2 đất nông nghiệp.

Từ những nội dung trên, ông T, bà T1 yêu cầu bồi thường diện tích thu hồi 268.7m^2 và theo giá đất ở là không có cơ sở giải quyết.

- Về yêu cầu bồi thường diện tích đất thu hồi theo giá đất vị trí 1, đường 3/2, thành phố V: Thửa đất bị thu hồi của hộ ông T, bà T1 tiếp giáp với đường L, Phường 10, thành phố V. Căn cứ Mục B3, Điều 3 Quy định bảng giá các loại

đất định kỳ 05 năm (01-01-2015 đến 31-12-2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định: "Vị trí 1: Áp dụng cho những thửa đất nằm ở mặt tiền đường phố chính có chiều sâu tối đa 50m tính từ lộ giới hợp pháp, trường hợp chưa có lộ giới thì được tính từ ranh giới mặt tiền đường hợp pháp trở vào". Thì diện tích đất thu hồi của ông T,bà T1 được xác định là vị trí 1, đường loại 4 (đường L) là đúng.

- Cấp đất tái định cư: Đất thu hồi và bồi thường của ông T, bà T1 là đất nông nghiệp. Vì vậy, hộ ông T, bà T1 không đủ điều kiện để được xét giao đất tái định cư quy định Khoản 2 Điều 5 quy định của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của UBND tỉnh.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/7/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5164. Ngày 16-7-18, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã niêm yết Quyết định số 3374/QĐ-UBND ngày 2/6/2018 của UBND thành phố V (Quyết định tổng) gồm 07 hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông T, bà T1 tại Công văn số 861/PTQĐ-NV1. Ngày 19/7/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã gửi Quyết định số 5164 theo đường bưu điện, tuy nhiên bà Lê Thị T1 từ chối nhận.

Ngày 17-9-2019, ông T và bà T1 có đơn khởi kiện tại Tòa án, Căn cứ khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì đơn khởi kiện của ông T, bà T1 đã quá thời hạn 01 năm, do đó đề nghị Tòa án đình chỉ vụ kiện do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Từ những nội dung trên, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5164 là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Việc ông T, bà T1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hủy Quyết định trên là không có cơ sở.

- Ngày 01-6-2020, UBND thành phố V có văn bản số 3381/UBND-PTQĐ bổ sung ý kiến, nội dung:

Đối với yêu cầu bồi thường diện tích đất 58,70m^2; nội dung này, UBND thành phố V có ý kiến cụ thể như sau: Phần đất 58,70 m^2 thu hồi nằm ngoài diện tích đất ông T nhận chuyển nhượng của ông D, bà T4. Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND Phường 10 xác nhận ngày 05/4/2002; đất ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng của ông D, bà T4 là 210,0m^2 (loại đất nông nghiệp), tờ bản đồ số 21, thuộc thửa số 28, 29.

Tại Văn bản số 600/UBND-ĐC ngày 10/10/2017, UBND Phường 10 có ý kiến diện tích đất 58,70m^2 là phần đất thể hiện lối đi chung. Do đó, tại cuộc họp ngày 19/01/2018, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố V đã:

“giao UBND Phường 10 kiểm tra, đối chiếu với bản đồ địa chính để xem xét phần diện tích đất 58,70m^2 có phải là đất thuộc lối đi chung không”.

Ngày 20-03-2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V có Văn bản số 301/PTQĐ-NV1 có ý kiến về phần diện tích đất trên; Theo đó, ngày 22-3-2018, UBND Phường 10 đã có ý kiến phản hồi tại Văn bản số 112/UBND-ĐC, trong đó, nêu rõ: “Hộ ông T, bà T1 bị thu hồi với diện tích 268,70m^2 thuộc thửa 28 (mới 49 + 54), tờ bản đồ số 21 (mới 89) bản đồ địa chính Phường 10. Trong đó, có phần diện tích đất 58,70m^2 theo bản đồ địa chính năm 1993 và sơ đồ vị trí trí thửa đất do phòng Địa chính thành phố V lập ngày 28/9/2000 thể hiện là lối đi chung. Do đó, UBND Phường 10 đề nghị không bồi thường đối với phần diện tích đất nêu trên”.

Từ những nội dung trên, ngày 03/7/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5164 là có cơ sở theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Tại buổi làm việc ngày 05/5/2020, bà Vũ Thị Phương T2 (người đại diện theo ủy quyền của ông T) cho rằng diện tích đất 58,70m^2 thuộc 83,0m^2 đất (ông D, bà T4 cho em trai là ông T theo giấy tặng cho ngày 20-3-2003 và bà T2 có cung cấp bổ sung giấy tặng cho viết tay ngày 20-3-2003 **(**có ông D, bà T4 ký tên; không thể hiện kích thước (ngang, dài), vị trí đất và không có cơ quan thẩm quyền xác nhận). Như vậy, chứng cứ do bà T2 cung cấp giấy viết tay không phải là các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, phần đất này, tại sơ đồ vị trí do phòng Địa chính thành phố V xác nhận ngày 28/9/2000 thể hiện có chiều ngang 2,0m và chiều dài 42,0m là khoảng đất giáp ranh giữa thửa đất của ông Phan Duy B1 và thửa đất có diện tích 1.857,0 m^2 của ông D; chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng của ông D, bà T1 được UBND Phường 10 xác nhận ngày 05/4/2002 chỉ có 210,0m^2 đất nông nghiệp. Diện tích đất 58,70m^2 đã được UBND Phường 10 khẳng định không đủ điều kiện bồi thường như đã nêu trên. Do đó, không có cơ sở để công nhận và tính bồi thường cho ông T, bà T1.

- Hồ sơ thu hồi, bồi thường đối với phần đất có nhà của ông (bà) Phùng Ngọc K - Phạm Thanh H4: Tại buổi làm việc ngày 05/5/2020, ông T có ý kiến đất ông T và hộ hộ ông K đang sử dụng có cùng nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng của ông D, bà T4; nhưng hộ ông K được bồi thường đất theo vị trí 2, đường loại 3 (Đường 3/2). Còn nhà ông T được bồi thường vị trí đất theo vị trí 1, đường loại 4 (đường L).

Trên cơ sở đó, Tòa án nhân dân Tỉnh đã yêu cầu UBND thành phố V bổ sung hồ liên quan đến việc thu hồi, bồi thường đất (đối với phần đất có nhà đang sử dụng) của hộ ông Ngọc K, bà H4.

Qua xem xét hồ sơ vụ việc; UBND thành phố V có ý kiến: Đối với việc sử dụng đất và ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường cho ông T, bà T1:

- Nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông T, bà T1 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 210,0m^2 đất nông nghiệp từ ông D, bà T4 được UBND Phường 10 xác nhận ngày 05/4/2002. Phần đất này thuộc diện tích 1.857,0m^2 đất nông nghiệp đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất cho ông D, bà T4. Sau đó, chuyển nhượng cho ông T, bà T1 Tho được UBND Phường 10 xác nhận. Vị trí đất 210,0 m^2 ông T, bà T1 nhận chuyển nhượng của ông D, bà T4 và đang sử dụng có vị trí mặt tiền đất tiếp giáp với đường L. Do đó, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định bồi thường cho ông T, bà T1 210,0 m^2 đất nông nghiệp theo vị trí 1, đường loại 4 (đường L) là đúng theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc sử dụng đất và ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường cho ông K, bà H4: ông K, bà H4 sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng 100,0 m^2 (thực tế đo đạc 104,90 m^2) của ông D, bà T4 bằng giấy tay, không có sự xác nhận của cơ quan chính quyền, địa phương.

Phần đất này thuộc diện tích tổng diện tích đất 2.903,0m^2 đất nông nghiệp, thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ địa chính số 21 của ông D đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số T 993713 ngày 07/02/2002.

Trên cơ sở ý kiến của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2291/TNMT-BT ngày 13/9/2017 có ý kiến xác định vị trí đất của ông (bà) K, bà H4 (nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của ông D, bà T4 bằng giấy tay chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận) thuộc vị trí 3, đường loại 4 (đường L) và được Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố V họp xét thông qua ngày 22/9/2017. UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 6505/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông K (Kim Văn D), diện tích đất bồi thường 104,90m^2 đất nông nghiệp thuộc vị trí 3, đường loại 4 (đường L).

Sau khi UBND Phường 10 có Văn bản số 459/UBND-ĐC ngày 20/8/2018 về việc xác minh bổ sung nguồn gốc đất cho 09 hộ có đất tiếp giáp với đường 3/2 (đường 51C) thuộc dự án. Ngày 22/8/2018, phòng Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 3500/TNMT-BT xác định điều chỉnh lại vị trí đất cho 09 hộ dân và các hộ (mua đất bằng giấy tay không được cơ quan chính quyền xác nhận) của ông D, bà T4 (đối với phần diện tích đất thuộc diện tích GCNQSD đất số T 993713 ngày 07/02/2002); Trong đó, có ông K, bà H4 (đối với phần diện tích

đất đang sử dụng có nhà) từ vị trí 3, đường loại 4 (đường L) thành vị trí 2, đường loại 3 (đường 3/2), đã được Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố họp xét thông qua ngày 13/9/2018 và được UBND Thành phố thống nhất tại Thông báo số 5409/TB-UBND ngày 14/9/2018.

Ngày 30/11/2018, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 8232/QĐ-UBND cho ông K (Kim Văn D) theo nội dung tính bồi thường bổ sung đối với diện tích 104,90m^2 đất nông từ vị trí 3, đường loại 4 (đường L) thành vị trí 2, đường loại 3 (đường 3/2).

- *Nhận xét:* Như vậy diện tích đất của ông T, bà T1 và ông K, bà H4 nhận chuyển nhượng và đang sử dụng có nguồn nguồn gốc của ông D, bà T4 nhưng thuộc 02 GCNQSD đất hoàn toàn khác nhau. Cụ thể:

- ông T, bà T1 sử dụng đất thuộc GCNQSD đất số T 993713.

- ông K, bà H4 sử dụng đất thuộc GCNQSD đất số T 993712.

Do đó, ông T, bà T1 cho rằng việc UBND thành phố V ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông T, bà T1 và hộ ông K, bà Thương; cụ thể việc xác định vị trí đất để tính bồi thường của 02 hộ dân không cùng vị trí là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Về nội dung xác định vị trí đất để tính bồi thường đối với diện tích 210m^2 đất nông nghiệp của ông T theo vị trí 1, đường loại 4 (đường L) là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật (do đất nhà ông Kim Mạnh T có vị trí tiếp giáp với đường L).

[3] *Người làm chứng*:

[3.1] Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà S là hàng xóm của gia đình ông Kim Mạnh T. Bà chuyển đến khu vực này sinh sống từ năm 1992. Khi bà sinh sống trên đất thì đã thấy gia đình ông T ở đấy, ông không rõ ông T xây nhà thời điểm nào, chỉ biết là trên đất có 01 nhà cấp 04 của ông D và 01 nhà cấp 04 của ông T. Thời điểm này đất chưa có số nhà, chưa có điện nước. Muốn đi vào nhà ông T thì phải đi đường biệt C (Nay là đường L). Gia đình ông T sinh sống trên đất ông không thấy tranh chấp với ai, sinh sống ổn định từ đó tới nay. Bà cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

[3.2] Ông Phạm Văn H1 (Phạm Khắc H2) trình bày: Ông là hàng xóm của gia đình anh Kim Mạnh T. Ông mua đất vào năm 1990 của bà Nguyễn Thị Thảnh và sinh sống trên đất từ thời điểm này. Khi mua đất thì nhà đất của ông sát cạnh nhà đất của ông D (anh trai ông T). Trên đất có nhà cấp 04 của ông D.

Đến năm 1992, ông thấy ông D cho ông T xây dựng nhà cấp 04 sát cạnh nhà ông D. Diện tích khoảng hơn 50m^2. Ngoài ra còn có chuồng heo, chuồng gà. Thời điểm này đất chưa có số nhà, chưa có điện nước. Đến năm 1997, thì các hộ dân trong xóm mới chung nhau kéo điện từ ngoài đường Bình Giã vào. Nhà ông T đi đường biệt C. Nhà ông D và nhà ông T mặt tiền đường biệt C (Nay là đường L). Gia đình ông T sinh sống trên đất ông không thấy tranh chấp với ai, sinh sống ổn định từ đó tới nay. Ông cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

[3.3] Ông Nguyễn Anh H3 trình bày: Ông H3 có mảnh đất dùng để trồng rau sát với đất gia đình ông Kim Mạnh T. Ông mua đất vào năm 1992 của bà Nguyễn Thị M (khai hoang từ năm 1975) để trồng rau từ khi mua đến nay. Ông không biết ông T xây dựng nhà từ thời điểm nào nhưng khi ông mua đất đã thấy ông T sinh sống trên đất và đã có nhà. Đường vào nhà ông T thời điểm này là đi đường biệt C. Sau này được gọi là đường L. Nhà đất ông T thời điểm này chưa có điện nước. Gia đình ông T sinh sống trên đất ông không thấy tranh chấp với ai, sinh sống ổn định từ đó tới nay. Ông cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2021/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1:

- Hủy Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1; địa chỉ số 229 đường L, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc ban hành quyết định về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho cho hộ ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1 theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2021, người khởi kiện ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1 có đơn kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Ngày 23/6/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1, có người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị Phương T2 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu bồi thường bổ sung diện tích, xác định lại vị trí đất bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, cụ thể buộc UBND thành phố V bồi thường diện tích đất bồi thường: 268,70m^2, loại đất bồi thường theo loại đất ở, vị trí đất bồi thường: vị trí 1, đường loại 3, đường 3/2, Phường 10, thành phố V, giá đất bồi thường tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, cấp tái định cư theo quy định của pháp luật, hỗ trợ các khoản theo quy định của pháp luật về bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ông Lê Dương B trình bày vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1, với lý do:

Về trình tự, thủ tục, nội dung Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1 ban hành là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Thửa đất của ông T, bà T1 đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 993712 ngày 07/02/2002 cho hộ ông D, bà T4 diện tích 1.857,0m^2 đất nông nghiệp; ông D, bà T4 sử dụng đến ngày 05/4/2002 chuyển nhượng cho ông T, bà T1 diện tích 210,0m^2 thuộc thửa 28, 29 tờ bản đồ số 21 được UBND Phường 10 xác nhận. Hiện hộ ông T sử dụng 268,7m^2 đất, trong đó có 58,7m^2 đất thể hiện lối đi chung theo sơ đồ vị trí ngày 28/9/2000. Do đó, ông T, bà T1 yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích thu hồi 268.7m^2 theo giá đất ở là không có cơ sở. Thửa đất bị thu hồi của hộ ông T, bà T1 tiếp giáp với đường L, Phường 10, thành phố V. Căn cứ Mục B3, Điều 3 Quy định bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 đến 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì diện tích đất thu hồi của ông T, bà T1 được xác định vị trí 1, đường loại 4 (đường L), là đúng. Đất thu hồi và bồi thường của ông T, bà T1 là đất nông nghiệp, vì vậy, hộ ông T, bà T1 không đủ điều kiện để được xét giao đất tái định cư theo Khoản 2 Điều 5 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1, diện tích đất mà hộ ông T và bà T1 nhận chuyển nhượng mặc dù chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã sử dụng ổn định, lâu dài với mục đích để ở trước ngày 01/7/2004 trước thời điểm thu hồi đất, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài khác khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điêu 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc UBND bồi thường cho ông T và bà T1 tại thời điểm thu hồi đất, buộc UBND thực hiện các chính sách hỗ trợ là có căn cứ.

Xét nội dung kháng cáo của UBND thành phố V yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của bà T1, ông T về yêu cầu hủy Quyết định 5164, buộc UBND thành phố V tính giá đất ở đối với diện tích thu hồi, tái định cư và hỗ trợ các khoản theo quy định của pháp luật về bồi thường cho hộ bà T1, ông T và không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, là không có cơ sở để được chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1, bác kháng cáo của UBND thành phố V và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện bà Lê Thị T1, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị U và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V, cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là bà Nguyễn Thị H, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của Ủy ban nhân

dân thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1; địa chỉ số 229 đường L, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/3/2019, ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1 khiếu nại Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 03/7/2018. Ngày 07/6/2019, UBND thành phố V có Thông báo số 2846/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại và Quyết định số 2607/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Đến ngày 20/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V mới ban hành Quyết định số 4098/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 2607/QĐ-UBND và Thông báo số 2846/TB-UBND, đồng thời thông báo nội dung khiếu nại của ông T, bà T1 không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết.

Như vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án được tính từ ngày 20/8/2019, là thời điểm khiếu nại của ông T, bà T1 đã được Chủ tịch UBND thành phố V xem xét, xác minh trước khi ban hành Quyết định số 4098/QĐ-UBND thông báo nội dung khiếu nại của ông T, bà T1 không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết. Do đó, đến ngày 17/9/2019, ông T và bà T1 gửi Đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Ngày 30/5/2016, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Thông báo thu hồi đất số 257/TB-UBND để thực hiện Dự án Khu tái định cư 10 ha trong 58 ha tại Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 03/7/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5164/QĐ-UBND thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1, là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về loại đất bồi thường:

Năm 1992, ông Kim Mạnh T được anh trai là ông Kim Văn D cho đất để làm nhà và ở ổn định từ năm 1992 đến nay. Quá trình làm nhà và sinh sống trên đất không có tranh chấp, ông T không bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính.

Như vậy, diện tích đất mà gia đình ông T, bà T1 bị thu hồi đã sử dụng ổn định lâu dài với mục đích để ở trước ngày 01/7/2004, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch nên đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định tại khoản 5 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 24 Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Đến năm 2002, gia đình ông D mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông D làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông T, bà T1 210m^2 đất có xác nhận của UBND Phường 10. Mặc dù, nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của gia đình ông D là đất nông nghiệp. Tuy nhiên, ông T đã làm nhà và ở liên tục từ năm 1996 đến nay không phải là đất lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng trái phép nên căn cứ vào quy định của pháp luật thì được xác định là đất ở. Do đó, UBND thành phố V thu hồi và bồi thường cho ông T, bà T1 diện tích 210m^2 đất theo giá đất nông nghiệp, là chưa đúng quy định của pháp luật.

[2.2.2] Về yêu cầu được cấp đất tái định cư:

Như nhận định ở trên, diện tích đất bị thu hồi, bồi thường của hộ ông T, bà T1 là đất ở nên đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[2.2.3] Về giá đất bồi thường:

Theo Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi: *"Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất"*.

Ngày 03/7/2018, UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông T, bà T1 nhưng lại căn cứ vào giá đất phê duyệt của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 16/10/2016, là không phù hợp với quy định của pháp luật và không đảm bảo quyền lợi của người có đất bị thu hồi.

[2.2.4] Về diện tích đất thu hồi, bồi thường và vị trí đất bồi thường:

- Theo Bản đồ địa chính năm 1993 của Phường 10, thành phố V và vị trí thửa đất do Phòng Địa chính thành phố V lập ngày 28/9/2000 thể hiện diện tích 58,70m^2 đất là lối đi chung. Do đó, UBND thành phố V chỉ bồi thường cho gia đình ông T 210m^2 đất là phù hợp, đúng với diện tích đất ghi trong hợp đồng chuyển nhượng giữa ông D và ông T đã được UBND Phường 10, thành phố V xác nhận.

- Thửa đất của ông T, bà T1 bị thu hồi có mặt tiền tiếp giáp với đường L, cụ thể ở địa chỉ số 229 đường L, Phường 10, thành phố V và gia đình ông đi lại qua lối đường L. Căn cứ mục b.3 Điều 3 quy định bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì diện tích đất của ông T được xác định vị trí 1 đường loại 4, là có căn cứ. ông T, bà T1 cho rằng do diện tích đất của ông bà nằm trong thửa đất của ông D, bà T4 nên phải được bồi thường theo vị trí tiếp giáp với đường 3/2 (đường loại 3), là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1 và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1 và kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Kim Mạnh T và bà Lê Thị T1:

- Hủy Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1, địa chỉ số 229 đường L, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc ban hành quyết định về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1 theo đúng quy định pháp luật

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

2.1 Ông Kim Mạnh T, bà Lê Thị T1, mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (do bà Vũ Thị Phương T2 nộp thay) là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000019 ngày 29/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2 Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000025 ngày 01/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
– VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
– Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
– Các đương sự (6);
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3),16b (TPQ);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp